

Bản án số: 243/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18/7/2019
V/v Tranh chấp Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Kim Tuyền

2. Bà Trần Thị Bích Liên.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2019/TLST-HNGĐ ngày 27/02/2019 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2019/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 290/2019/QĐST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

N đơn: Ông Nguyễn Trung Ng, sinh năm 1971 – *Có đơn đề nghị vắng mặt;*

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1974 – *Vắng mặt;*

Cùng địa chỉ: X đường Nguyễn Văn Tạo, Tổ 9, Ấp 1, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, ông Nguyễn Trung N là N đơn trình bày:

Ông Nguyễn Trung N và bà Nguyễn Thị Kim L tự nguyện hết hôn năm 1997. Hai bên có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 08/12/1997 cấp tại Ủy ban nhân dân phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông bà cũng hạnh phúc được một vài năm đầu nhưng kể từ năm 2011 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Cụ thể là do bà L thường xuyên đi làm ăn kinh doanh bên ngoài nhưng không bàn bạc với chồng dẫn đến tình trạng nợ nần, bà L cũng thường đi vắng nhiều ngày không về nhà, không quan tâm, chăm sóc chồng con, vợ chồng có xảy ra cãi vã. Ông N đã nhiều lần khuyên giải nhưng không có kết quả, từ đó vợ chồng sống ly thân. Nay, ông N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên

đề nghị Tòa án giải quyết cho ông N được ly hôn bà L để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Ông Nguyễn Trung N và bà Nguyễn Thị Kim L có 02 con chung là:

1/ Trẻ Nguyễn Như Đ, sinh ngày 22/7/2002;

2/ Trẻ Nguyễn Duy T, sinh ngày 30/4/2005.

Hiện nay cả hai con đang do ông N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông N yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ông N không yêu cầu.

Về tài sản chung: Ông N khai không có.

Về nợ chung: Ông N khai không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án để bà Nguyễn Thị Kim L là bị đơn đến Tòa án để làm việc và giải quyết vụ án nhưng bà Nguyễn Thị Kim L vẫn không có mặt mà không rõ lý do.

* Phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng về phiên tòa sơ thẩm. Việc xét xử vắng mặt các đương sự đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của N đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 35 do Ủy ban nhân dân phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/12/1997 thì ông Nguyễn Trung N và bà Nguyễn Thị Kim L có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông Nguyễn Trung N xin ly hôn bà Nguyễn Thị Kim Loan. Bà L cư trú tại huyện Nhà Bè, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Trung N là N đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Kim L là bị đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng để tiếp cận công khai thu thập chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về các yêu cầu của đương sự:

[2.1] Theo lời trình bày của N đơn thì kể từ năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống. Cụ thể là do bà L thường xuyên đi làm ăn kinh doanh bên ngoài nhưng không bàn bạc với chồng dẫn đến tình trạng nợ nần, bà L cũng thường đi vắng nhiều ngày không về nhà, không quan tâm, chăm sóc

chồng con, vợ chồng có xảy ra cãi vã. Ông N đã nhiều lần khuyên giải nhưng không có kết quả, từ đó vợ chồng sống ly thân. Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”.

Căn cứ theo kết quả xác minh của Hội liên hiệp phụ nữ xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè thì “Gia đình ông Nguyễn Trung N và bà Nguyễn Thị Kim L có xảy ra mâu thuẫn nhưng không báo địa phương. Ông N và bà L đã sống ly thân nhiều năm nay”.

Hội đồng xét xử xét:

Mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Nguyễn Trung N và bà Nguyễn Thị Kim L đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu có duy trì cuộc hôn nhân này thì cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Hơn nữa, bà L mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa làm việc chứng tỏ bà L cũng không còn thiết tha gì đến cuộc hôn nhân này nữa. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Nguyễn Trung N ly hôn bà Nguyễn Thị Kim L là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Ông N yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi cả hai con.

Hội đồng xét xử xét:

Ông Nguyễn Trung N và bà Nguyễn Thị Kim L có 02 con chung là trẻ Nguyễn Như Đ và trẻ Nguyễn Duy T. Hiện nay cả hai con đang do ông N trực tiếp nuôi dưỡng. Tại Biên bản ghi nhận N vọng, trẻ Đoan và trẻ Tân cũng trình bày nguyện vọng được ở với cha. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của trẻ, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cả hai con chung cho ông N tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[2.3] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận việc ông N không yêu cầu bà L cấp dưỡng.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông N xác định không có. Nếu sau này bà L có yêu cầu sẽ được xem xét trong vụ kiện khác.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng do ông N phải nộp, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0033842 ngày 27 tháng 02 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật trẻ em;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của N đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trung N được ly hôn bà Nguyễn Thị Kim Loan.

- Về con chung: Giao cả hai con chung là trẻ Nguyễn Như Đ, sinh ngày 22/7/2002 và trẻ Nguyễn Duy T, sinh ngày 30/4/2005 cho ông Nguyễn Trung N tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận việc ông N không yêu cầu bà L cấp dưỡng.

Ông Nguyễn Trung N có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi bà Nguyễn Thị Kim L đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi của con khi cần thiết, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông N xác định không có. Nếu sau này bà L có yêu cầu sẽ được xem xét trong vụ kiện khác.

2/ Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do ông N phải nộp, được miễn trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông N đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0033842 ngày 27 tháng 02 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4/ Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP, VKSNDTP;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- UBND phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Long

